

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2023.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Lê Hùng  
với ông Trần Văn Huân”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Thanh Huỳnh .

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Huệ.

2. Ông Lương Hùng Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Lê H, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ ấp G, xã T, huyện C, TP ..

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ ấp G, xã T, huyện C, TP ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lê H trình bày:* Năm 1990, do quen biết và sau thời gian tìm hiểu bà và ông Trần Văn H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 03 con chung chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994, chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1994 và anh Trần Văn Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành. Thời gian sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông H1 có người phụ nữ bên ngoài, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về xúc phạm, đánh đập đe dọa sức khỏe, tính mạng bà, đỉnh điểm ngày 31/3/2023 sau khi ông H1 nhậu say về nhà phá cửa nhà, dùng xăng định đốt nhà trong khi tôi và các con đang ở trong nhà, nhờ hàng xóm can ngăn nên mới thoát được. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng không hàn gắn được

nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994, chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1994 và anh Trần Văn Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày:* Ông thông nhất với trình bày của bà H về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, không nợ chung, tài sản chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn bà H khai không đúng, vợ, chồng mâu thuẫn không lớn nên ông yêu cầu đoàn tụ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Lệ H thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ, chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành nên cần đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Lệ H và ông Trần Văn H1 là hợp pháp. Bà H và ông H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông H1 thường xuyên nhậu nhẹt xúc phạm bà và có hành vi đe dọa tính mạng bà, bạo lực gia đình, gây thương tích cho bà H trong thời gian dài. Ông H1 yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H, cho bà được ly hôn với ông H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung gồm: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994, chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1994 và anh Trần Văn Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Vợ, chồng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung: Vợ, chồng xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Lệ H phải nộp 300.000 đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị Lệ H. Cho ly hôn giữa bà H và ông Trần Văn H1.

2. Về con chung: Vợ, chồng có 03 con chung chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994, chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1994 và anh Trần Văn Đ, sinh năm 1999, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông H1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: Bà H và ông H1 xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Lệ H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009872 ngày 14 tháng 4 năm 2023 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký )

**Đào Thanh Huỳnh**